

## TƯ LIỆU



## DÂN TỘC HỌC

### BÀN THÊM VỀ DI SẢN TRỐNG ĐỒNG CỦA NGƯỜI LÔ LÔ (Xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang)

NGUYỄN THỊ HẢO

Ở huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang hiện nay có hai ngành Lô Lô sinh sống: Lô Lô Hoa (*Mang Trzi Qua*) (ở xã Đoàn Kết và xã Sủng Là) và Lô Lô Đen (*Màn Trzi Nò*) (hay Lô Lô Chải ở xã Lũng Cú). Lô Lô là một trong số ít các tộc người ở nước ta hiện còn sử dụng trống đồng trong sinh hoạt tín ngưỡng và nghi lễ. Vấn đề này đã được một số học giả bàn đến trong chuyên khảo của TS. Lò Giàng Páo (1996), hay trong các bài viết giới thiệu chung về người Lô Lô trong các ấn phẩm của Viện Dân tộc học (1978), Nguyễn Chí Huyền và các tác giả (2000), Lê Duy Đại (2004), Vũ Diệu Trung và các tác giả (2009). Trong cuốn “*Trống đồng cổ với các tộc người ở Hà Giang*” (1996) tác giả Lò Giàng Páo đã đề cập đến nhiều giá trị của trống đồng như truyền thuyết, hoa văn, những hình thức nghi lễ tín ngưỡng liên quan đến trống đồng và việc sử dụng trống đồng của người Lô Lô.

Trong bài viết này chúng tôi bàn thêm về thực trạng của di sản trống đồng qua đợt khảo sát thực tế ở bản Lô Lô Chải (xã Lũng Cú) vào tháng 1 năm 2007.

Trống đồng là một nhạc cụ truyền thống của người Lô Lô nói riêng và các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến nói chung. Nếu như chữ viết của người Lô Lô chỉ còn lại trong tâm tưởng, ký ức của những người già trong bản thì trống đồng là vật hiện tồn gắn bó với đời sống tâm linh của đồng bào, từ người già đến trẻ nhỏ.

Người Lô Lô coi trống đồng là vật thiêng. Trống được sử dụng chủ yếu trong những lễ quan trọng như tang ma, lễ cúng thổ thần, lễ cúng sức khoẻ, lễ tế tổ tiên, lễ tế trời đất...

Tiếng trống đánh lên được đồng bào quan niệm như một tín hiệu giữa cõi sống và cõi chết, giữa cuộc sống đời thường và thế giới siêu nhiên. Một bộ trống đồng gồm hai chiếc: trống to là *trống cái* (*Danh Mo*), chiếc trống bé là *trống đực* (*Danh Pố*). Nguồn gốc của trống đồng gắn liền với huyền thoại về nạn hồng thủy, về tổ tiên của loài người. Huyền thoại được lưu truyền từ đời này sang đời kia. Từ câu chuyện đó, trống to được gọi là *trống cái* hay *trống vợ*; trống bé được coi là *trống đực* hay *trống chồng*. Huyền thoại về trống đồng sống mãi trong lòng người Lô Lô.

Trước đây, mỗi dòng họ của người Lô Lô đều có một cặp trống đồng, do trưởng họ giữ. Trải qua thời gian với nhiều nguyên nhân khác nhau, đến nay cả thôn Lô Lô Chải ở xã Lũng Cú chỉ còn lại một cặp trống đồng do nghệ nhân Vàng Di Thuấn cất giữ. Tuy nhiên, do việc bảo quản không tốt và trống được sử dụng nhiều qua thời gian nên hiện trạng cả hai trống chỉ còn lại phần tang, mặt trống đã bị hư hỏng khá nhiều. Trên thực địa chúng tôi khảo sát được kích cỡ trống đục có đường kính của mặt là 56 cm và chiều cao 24 cm. Kích thước tương tự của trống cái là 62 cm và 22 cm. Trống được cấu tạo tang nõ, thân eo, chân choãi, bốn quai được bố trí thành hai cặp đối xứng nhau qua trục thân. Chính giữa mặt trống là hoa văn hình ngôi sao 12 cánh. Những hoạ tiết hoa văn trang trí trên trống đồng khá đa dạng với nhiều hoạ tiết hoa văn khác nhau như: hình mặt trời, hình người hoá trang cách điệu, sóng nước, hình chim, hoa văn hình học... được người Lô Lô ở Lũng Cú giải thích như sau:

- Hoa văn tia mặt trời giữa mặt trống là những con mắt trời lần đầu tiên mở ra 12 tia nhìn đàn khi sinh ra từ trong hang của quả núi biến từ giọt nước sau lần Bó trời và Mẹ đất gặp nhau để lại.

- Những vành hoa văn hình người múa biển thể là hình ảnh của những con người đầu tiên của Bó trời, Mẹ đất và là tổ tiên của loài người hiện nay đang đi vòng quanh trái đất.

- Những vạch kẻ song song trên mặt trống, trên tang, trên thân và thậm chí cả trên thân trống là những đồng cỏ.

- Những hoa văn hình sóng nước là sự phản ánh việc đưa hồn người chết qua các con sông lớn đầy thác trở.

- Những nhũ đỉnh nổi trên mặt trống là những hạt cườm dùng làm trang sức từ hồi còn nằm trong hang đá, mặc vỏ cây.

- Những hoa văn hình tam giác ở mép trống, trên mặt hay trên thân trống được người Lô Lô cho rằng đó là hình ảnh và là lá cờ của tổ tiên mình.

Các hoa văn trên là những cơ sở để đoán định, để giải mã ngôn ngữ của các hoa văn trang trí dựa trên sự lý giải theo sử liệu dân tộc học (Lò Giàng Páo, 1996, tr. 87-88). Đặc biệt là hoa văn hình chim bay trên mặt trống gắn liền với sự tích và câu chuyện kể về tình yêu của một chàng trai thợ săn cùng cô gái dệt vải mà những người già vẫn kể cho con cháu nghe mỗi tối bên bếp lửa hồng.

Trống đồng trong tâm thức của người Lô Lô không phải là nhạc khí bình thường mà gắn với những nghi lễ tín ngưỡng linh thiêng. Người đánh trống được chọn lựa kỹ càng, phải là con trai chưa vợ hoặc đàn ông có vợ nhưng vợ không ở trong thời kỳ mang thai. Phụ nữ không được đánh trống.

Trống đồng thường được dùng trong, tang ma, trong lễ cúng thổ thần, lễ cúng sức khoẻ và lễ tế trời đất... Khi đánh, trống đục được treo bên phải, trống cái treo bên trái. Hai đầu dây được buộc vào từng quai của hai chiếc, treo lên xà nhà, hai trống được buộc quay mặt vào nhau với khoảng cách giữa hai trống là 30 cm. Người đánh trống dùng một dùi bằng tre dài khoảng 15 cm có đường kính 1 cm và một thanh tre dẹt dài 20 cm. Khi đánh, tay phải cầm dùi to lia vào 2 mặt trống đục - cái, còn thanh tre dẹt bẹt ngang vào tang trống đục, vì vậy khi nghe có ba âm cùng phát ra một lúc. Theo các nghệ nhân thì xưa kia, dùi trống được làm từ củ

dong rừng, củ nâu, hay quả bưởi non để héo chứ không đánh bằng dùi tre như bây giờ.

Xưa, người Lô Lô bảo quản trống bằng cách chôn xuống đất ở chỗ kín, khi cộng đồng hay dòng họ có việc dùng đến trống phải làm lễ cúng trống. Khi trống được treo lên, thầy cúng thắp ba nén hương, cắm cạnh hai chiếc trống sau đó rót rượu tưới lên tang trống và mặt trống rồi trống mới được đánh lên. Quan niệm về âm dương, sinh sôi nảy nở và tín ngưỡng phồn thực của người Lô Lô được thể hiện một cách rõ nét trong hành động hòa tấu hai chiếc trống đục và cái cùng một lúc. Khi biểu diễn, hai trống đồng tạo ra ba tiết tấu cùng một lúc, hai tiết tấu bằng được tạo ra bởi hai trống đục và cái do dùi tay phải đánh, một tiết tấu khác được tạo nên bởi thanh tre cầm ở tay trái gõ vào tang trống.

Trống đồng của người Lô Lô khi đánh được kết hợp với những điệu múa truyền thống trong đám tang (múa hóa trang). Người Lô Lô có đến 36 điệu múa được trống đồng diễn tấu (Lò Giàng Páo, 1996, tr. 66). Nhưng đến năm 2007 chúng tôi chỉ sưu tầm được 13 điệu múa trống đồng là: *Lò Tô Chế* (vỗ tay), *Ké Sừu* (bước chân), *Xích phụng* (đi rừng), *Giỏ ghi* (hái cỏ), *Pủ vàng* (xé bông), *Khó Phi* (gặt lúa), *Biếc khờ* (bê ngô), *Gà lu* (người rừng), *Mia hi* (vui làm mùa), *Mi chắc* (đánh lửa), *Siêu lá chê lê* (đón linh hồn về), *Mề bắt* (kết thúc). Âm thanh trống đồng được người Lô Lô thần thánh hóa; tiếng trống ngân nga là phương tiện để đưa linh hồn người chết đến với thế giới tổ tiên và tiếng trống đồng cũng là phương tiện thông linh giữa cõi sống và cõi chết.

Trong những ngày đầu tháng 1 năm 2007, chúng tôi đã tham dự đám tang của ông Sin Di Chu (thọ 60 tuổi) ở bản Lô Lô Chải. Trong suốt thời gian tổ chức tang lễ, tiếng trống đồng và những người múa không bao giờ tách rời nhau. Khi thầy cúng đọc những bài gọi hồn, đưa hồn hay tiễn hồn thì tiếng trống đồng cũng trầm bổng dồn dập, hay nhịp nhàng theo những lời khấn cúng của thầy. Các điệu múa trong tang ma thường mô phỏng những động tác trong lao động sản xuất như: gieo ngô, gánh nước, gùi thóc... tạo nên không khí vui vẻ, làm cho gia đình có người mất bớt sự thương đau, quên đi sự đau buồn, mất mát người thân. Vì vậy khi xóm làng có người mất, lo tang ma không chỉ là việc riêng của gia đình mà là việc chung của cả bản. Những người đến dự tang đều mặc những bộ trang phục đẹp. Từ người già đến trẻ em đều tham gia múa, khi múa thường đi vòng tròn ngược kim đồng hồ. Các điệu múa lúc nhanh lúc chậm theo tiết tấu gỗ của trống đồng. Nhịp múa thường theo nhịp chẵn 2/4 hoặc 4/4.

Mở đầu là điệu chào mời tiếng trống có nhiệm vụ thông báo cho mọi thành viên trong cộng đồng biết lễ tang của gia đình đó. Điều này đã minh chứng tính cộng đồng rất cao trong xã hội Lô Lô. Tiếng trống đồng trầm bổng ngân nga, như giục già bà con trong bản đến chia buồn với gia đình người quá cố. Những bài múa trong tang ma của người Lô Lô diễn lại quá khứ, lịch sử của tộc người. Điệu múa *Mề khoáng* mềm mại theo nhịp trống 2/4 với những động tác ra hiệu hướng dẫn mở một con đường từ nơi sinh ra, lớn lên của người quá cố sẽ phải đi đến vùng đất tổ tiên. Tất cả những điệu múa thuật lại từ thời ấu thơ đánh quay, nhảy sạp, cuộc

nuong, cây lúa... của một đời người. Thầy cúng đọc đến đâu, trống đồng gõ đến đó, đoàn người cứ múa vòng tròn giữa nhà theo nhịp trống.

Các điệu múa trong tang ma rất linh thiêng, song độc đáo hơn cả là điệu múa người rừng (Gà lu). Có từ 6 đến 8 người tham gia điệu múa này. Họ phải bí mật vào rừng hóa trang thành “người rừng”, khoác lên mình bộ trang phục bằng lá cây, để khi múa không cho ai được biết mặt (trên đường đi từ rừng về, phải tránh mặt nhất là phụ nữ, nếu để người nào đó biết mặt thì năm đó bản làng và gia đình họ sẽ gặp những điều không may mắn). Điệu múa hóa trang, âm thanh của trống đồng và lời cúng của thầy cúng là ba tín hiệu để đưa linh hồn người chết về với thế giới tổ tiên. Người Lô Lô cũng cho rằng, trống đồng là hình tượng của con người, hình dáng của trống đồng là hình ảnh, là sự cách điệu hình dáng con người và các hoa văn trên trống đồng cũng thể hiện đầy đủ các hiện tượng của tự nhiên và xã hội...

Trống đồng còn là biểu tượng của vũ trụ, biểu tượng con người được thần linh hóa cả về hình dáng lẫn tiếng nói. Âm thanh của trống đồng có vai trò giữ nhịp cho các điệu múa dân gian, dẫn đường đưa hồn người chết về với tổ tiên. Trống đồng còn là biểu tượng của sức mạnh, quyền lực và sự giàu có của mỗi tộc họ. Trong các bài dân ca của người Lô Lô, trống đồng được nhắc đến nhiều như một biểu tượng của văn hoá tộc người. Bài “*Chuyện mặt trời, mặt trăng*” nhắc đến trống đồng như một vị khách quý:

Mình mời thầy cúng tới  
Mình đón trống đồng về  
Thầy cúng đội nón vàng

Trống đồng đủ đục, cái  
Thầy mời trời mời trăng  
Trống hát lời chào đón.

Người đánh trống đồng lúc hứng khởi thường cất tiếng hát thành lời ca tụng trống đồng:

Hôm nay làng có việc  
Mời bà trống đến đây  
Giúp làng làm việc lớn  
Quê bà trống nơi đâu?  
Tiếng bà nghe vang vọng  
Bà đón chào mời khách  
Bà đưa hồn đưa linh  
Ông trống ơi, ông trống  
Ông trống ở nơi nào?  
Tiếng ông trống ngân xa  
Trên dưới đều thấu tỏ  
Ông đón ma lành về  
Ông đuổi ma xấu đi  
Có phải đất “*Ma khu*”  
Nơi sinh ra ông đó  
Có phải đất *Ma khu*  
Cũng nơi sinh ra bà  
Ông trống và bà trống  
Cũng tiễn đưa linh đi  
Cùng đưa hồn tới chốn  
Trời đất sinh ông bà  
Ông như hoa trên núi  
Bà như nước dưới sông  
Ông bà thật đẹp đôi  
Không ai sánh kịp được...

Các đôi trai gái gặp nhau, quyến luyến nhau, họ hát với nhau, ca ngợi hết lời về nhau và cũng không quên nhắc đến trống đồng:

Tiếng sáo nghe êm tai  
 Tiếng trống đồng giục giã  
 Họ múa thật nhịp nhàng  
 Nhạc kèn đầu có hay  
 Tiếng nhạc vui có bạn  
 Tiếng trống gõ đã vui

Người con gái Lô Lô muốn tỏ tình cũng phải hỏi thăm đối tượng của mình thông qua sự hòa quyện giữa con người và trống đồng:

Anh ở nơi đâu tới?  
 Một miền đất lạ nào?  
 Tay biết gõ trống không?  
 Chân nhảy đúng nhịp không?

Tiếng trống đồng, không những là biểu tượng sự giao hòa trong ba cõi khi đưa hồn người chết, mà còn là một đối tượng thành viên đáng tin cậy để cộng đồng tâm sự gửi gắm những nỗi lòng.

“Quê nàng trống nơi nao?  
 Mà tiếng nàng vang vọng  
 Quê chàng sống ở đâu?  
 Mà tiếng chàng ngân xa  
 Quê nàng đất *Má khu*  
 Nàng sinh ta được nàng  
 Quê chàng đất *Má khu*  
 Chàng sinh ta có chàng...”  
 “Tiếng Nàng - trống rền rĩ  
 Nàng hát tiễn hồn đi  
 Tiếng Chàng - trống thăm thì  
 Đưa linh chàng giữ nhịp  
 Nàng - trống xinh thật xinh  
 Chàng - trống đẹp thật đẹp...”

(Lời dịch của Vàng Di Toáng, sinh năm 1980, ở bản Lô Lô Chải, xã Lũng Cú).

Trống đồng ở vùng người Lô Lô tồn tại trong sự tích, trong văn hoá dân gian, ca dao hay tục ngữ, bằng hiện vật thật đang tồn tại. Người Lô Lô còn có nhiều loại nhạc cụ độc đáo khác như kèn sử dụng trong đám cưới, đám tang, các loại sáo để nam nữ tỏ tình với nhau khi đi trên đường, hay khi đi làm nương, làm rẫy...

Có thể nói, sinh hoạt âm nhạc của người Lô Lô rất đa dạng, nó được trình diễn trong nhiều không gian khác nhau. Tuy nhiên, do những điều kiện khách quan, văn hóa nghệ thuật nói chung, âm nhạc của người Lô Lô đang có nguy cơ mất dần và trên thực tế đã mất một số loại nhạc cụ như kèn, sáo, nhị. Ngày nay đến xóm Lô Lô Chải không còn được nghe, được thấy âm thanh của những nhạc cụ đó nữa. Tất cả những nhạc cụ đó chỉ còn lại trong ký ức của những người nghệ nhân già. Điều này đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc đánh giá, tìm hiểu, sưu tầm vốn âm nhạc dân gian của người Lô Lô ở Lũng Cú.

Hiện nay, trống đồng được sử dụng trong nghi lễ đã và đang có xu hướng biến tướng, sử dụng không đúng mục đích. Nếu như trước đây mỗi khi sử dụng trống đồng gắn với những nghi thức chặt chẽ, với nhiều điều cấm kỵ, các dòng họ đều có một vài nghệ nhân đánh thành thạo những bài trống, thì ngày nay mục đích sử dụng tùy tiện hơn như phục vụ cho du lịch. Từ ý nghĩa tâm linh nó đã bị lợi dụng vào mục đích thương mại, còn nghệ nhân đánh trống thì không thuộc nhiều các bài trống nghi lễ. Khi chúng tôi hỏi về biện pháp gìn giữ và bảo quản trống đồng, ông Phó Chủ tịch UBND xã Lũng Cú Vàng Di Thuận nói rằng: “Chúng tôi cũng rất buồn khi thấy trống hỏng nhưng

chưa có cách nào để gìn giữ nó, hiện vẫn giao cho ông Vàng Di Thuần là một trong số ít nghệ nhân hiện còn đánh được các bài trống truyền thống”.

Tự hào là cư dân có mặt sớm khai phá vùng cao biên giới thành những bản làng trù phú, đồng bào Lô Lô đã biết sáng tạo, gìn giữ và phát triển một nền văn hoá đa dạng độc đáo của mình, được đánh dấu bằng bộ trống đồng cổ, góp phần vào sự khẳng định chủ quyền biên giới Việt Nam. Nếu trống đồng nổi gót theo những nhạc cụ đã mất như kèn, sáo, nhị... thì việc thực hành những nghi lễ tôn giáo gắn với đời sống tâm linh của đồng bào Lô Lô, những giá trị âm nhạc, mỹ thuật... cũng mất theo. Đây là câu hỏi lớn được đặt ra cho các nhà quản lý, nhà nghiên cứu.



Đón dâu trong đám cưới của người Lô Lô ở Hà Giang.

### Tài liệu tham khảo

1. Lê Duy Đại, Triệu Đức Thanh (Chủ biên) (2004), *Các dân tộc ở Hà Giang*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Nguyễn Chí Huyền và các tác giả (2000), *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
3. Lò Giàng Páo (1996), *Trống đồng cổ với các tộc người ở Hà Giang*, Nxb Văn hoá thế giới, Hà Nội.
4. Vũ Diệu Trung (Chủ biên) (2009), *Người Lô Lô Đen ở Hà Giang*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
5. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía Bắc), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Ảnh: Nguyễn Thắng